

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/HC-PT**

Ngày: 27/5/2020

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 92/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2019/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2020/HC-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Lê Thị Kim L - Sinh năm: 1949; Trú tại: thôn T, xã P, Huyện T1, tỉnh Bình Định - Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Quốc D - Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Cao Th - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định - Vắng và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2020.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Th1 - Chủ tịch UBND huyện T1 - Vắng và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/5/2020.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện T1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh V - Chủ tịch UBND xã P, huyện T1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A – Công chức Địa chính UBND xã P - Vắng và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/5/2020.

2. Bà Lê Thị Lê T2 - Sinh năm: 1955; Trú tại: Số 317 đường Q, phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng và xin xét xử vắng mặt tại bản tự khai ngày 11/9/2019.

*** Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Kim L - là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Lê Thị Kim L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà bà L khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 481, tờ bản đồ 03, diện tích 1080m², vào năm 2013 đo đạc lại theo dự án VLAP thì thể hiện thửa đất số 204, tờ bản đồ số 45, diện tích 1203,3m² là của ông bà để lại cho cha mẹ và cha mẹ để lại cho anh chị em bà L, anh chị em bà L đã qua đời chỉ còn lại bà T2 và bà L.

Khi cha mẹ mất thì bà L là người duy nhất sử dụng ổn định thửa đất trên và không có ai tranh chấp, đồng thời thửa đất trên gia đình bà không vào Hợp tác xã. Vào năm 1996, bà L có chuyển nhượng một phần thửa đất trên cho bà Võ Thị Liên P (hiện nay bà P đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T3), với diện tích bao nhiêu là bà L không nhớ chỉ xác định chiều ngang thửa đất là 5,5m, chiều dài từ mặt đường kéo dài đến sông, ngoài việc chuyển nhượng cho bà P, bà L không có chuyển nhượng hay tặng cho ai khác. Theo bà L thì phần đất mà bà L bán cho bà P là thuộc quyền quản lý, sở hữu của Hợp tác xã nhưng bỏ hoang, không có ai sử dụng, không liên quan gì đến thửa đất của bà L.

Ngày 27/9/2013, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 2138/QĐ-UBND về việc đất nông nghiệp của hộ bà Lê Thị Kim L, thu hồi 82m² đất trồng cây hàng năm tại thửa số 481, tờ bản đồ số 03 của hộ bà Lê Thị Kim L để xây dựng công trình đê biển hạ lưu đập N tại xã P, và có đền bù đối với diện tích đất bị thu hồi là 36.985.000 đồng, tuy nhiên bà L cho rằng số tiền đền bù không thỏa đáng.

Sau khi thu hồi 82m² đất, bà L tiến hành rào lại phần đất còn lại của bà, vào năm 2015, Công ty T4 cùng một số cán bộ của xã tiến hành giải phóng mặt bằng và cưỡng chế, dùng xe múc ủi phá hàng rào lấn thêm vào phần đất của bà L với diện

tích là 53,76m² nhưng lại không có quyết định thu hồi đất và đền bù mà chỉ nói miệng là sửa chữa con đê, Bà L không đồng ý với sự việc trên và cho rằng việc thu hồi 53,76m² phải bồi thường cho bà L nên đã khiếu nại đến UBND huyện T1, vào ngày 01/9/2015 Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 4369/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L thường trú tại thôn T, xã P, huyện T1, tỉnh Bình Định với nội dung không công nhận khiếu nại của bà L, không đồng ý với quyết định của Chủ tịch UBND huyện T1, bà L lại khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định, và vào ngày 07/3/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định 658/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L với nội dung không công nhận việc khiếu nại của bà L và công nhận quyết định của Chủ tịch UBND huyện T1.

Do đó, bà L khởi kiện Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L (viết tắt là Quyết định 658) và Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L (viết tắt là Quyết định 4369).

2. Người bị kiện:

2.1. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Phan Cao Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà bà Lê Thị Kim L khiếu nại có nguồn gốc dòng họ nhưng không có giấy tờ chứng minh theo quy định của Luật đất đai. Tại sổ mục kê do UBND xã P lập năm 1993, đất này thuộc thửa số 481, tờ bản đồ số 03 diện tích 1.050m² loại đất HNK (trồng cây hàng năm khác) ghi tên bà Lê Thị Kim L.

Trong quá trình sử dụng thửa đất, bà L đã chuyển nhượng 142m² cho bà Võ Thị Liên P; ngoài ra bà còn lấn chiếm thêm nên diện tích tăng so với số liệu hồ sơ địa chính năm 1993. Theo số liệu Vlap thửa đất trên nay là thửa số 204, tờ bản đồ số 45 có diện tích 1.203,3m² (không kê 142m² đã chuyển nhượng).

Ngày 27/9/2013, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 2138/QĐ-UBND thu hồi 82m² đất trồng cây hàng năm tại thửa số 481, tờ bản đồ số 03 của hộ bà Lê Thị Kim L để xây dựng công trình đê biển hạ lưu đập N tại xã P. Theo đó, ngày 29/10/2013, UBND huyện ra Quyết định số 2304/QĐ-UBND phê duyệt phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình đê biển hạ lưu đập N (giai đoạn 1) xã P. Trong đó, diện tích 82m² đất thu hồi của hộ bà Lê Thị Kim L được bồi thường, hỗ trợ 36.945.000 đồng; số tiền này bà L đã nhận đủ.

Ngày 10/9/2014, UBND xã P có Văn bản số 81/BC-UBND báo cáo UBND huyện T1 về việc bà Lê Thị Kim L rào lưới B40 bao chiếm đất trái phép trên hệ thống đường giao thông của công trình đê biển hạ lưu đập N giai đoạn 1 (đoạn đi

qua nhà bà) khoảng 73,5m². Trước đó, ngày 30/7/2014 UBND xã P đã ra Quyết định số 13/QĐ-XPHC xử phạt bà L về hành vi trên và ngày 11/8/2014 ban hành Quyết định số 14/QĐ- CCK cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, buộc tháo dỡ công trình vi phạm.

Về hiện trạng sử dụng đất: Ngày 03/10/2014, UBND xã P phối hợp với các ngành liên quan của huyện T1 đo đạc thực tế đất của hộ bà L, kết quả: Đất bà L sử dụng là 1.124,84m², trong đó có 57,28m² đất mặt đê bà bao chiếm đóng cọc bê tông, rào lưới B40 (diện tích này thuộc 82,0m² đã thu hồi theo Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của UBND huyện T1 để xây dựng công trình đê biển hạ lưu N giai đoạn 1, phần đất bao chiếm này hiện nay đã được giải tỏa và xây dựng xong công trình đê biển đập N.

Ngày 01/9/2015, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 4369/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Lê Thị Kim L với lý do: *“Căn cứ hồ sơ địa chính lập năm 1993, bà Lê Thị Kim L đăng ký chủ sử dụng thửa đất số 481, tờ bản đồ số 03, diện tích 1050m², nhưng diện tích đất hiện trạng bà Lê Thị Kim L đang sử dụng là 1067,56m², tăng hơn 17,56m² (chưa tính diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà Võ Thị Liên P, nay là ông Trần Văn T3 sử dụng và diện tích đất đã thu hồi 82m²). Như vậy, UBND huyện thu hồi đất của bà Lê Thị Kim L để thi công công trình đê biển hạ lưu đập N với diện tích là 82m², không thu hồi thêm 56m²; do vậy việc khiếu nại của bà Lê Thị Kim L là không có cơ sở”*.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết của UBND huyện T1, bà Lê Thị Kim L khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định; việc khiếu nại của bà được UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết, như sau:

Trên cơ sở kết quả xác minh, kiểm tra, rà soát hồ sơ vụ việc và đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tại Văn bản số 170/BC-STNMT ngày 21/12/2015, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Lê Thị Kim L, với nội dung: *“Không công nhận nội dung đơn của bà Lê Thị Kim L, vì phần diện tích đất 61,74m² (thực tế đo đạc là 57,8m²) bà khiếu nại nằm trong diện tích 82m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 481, tờ bản đồ số 03, xã P, huyện T1 do UBND huyện T1 thu hồi theo Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 để thực hiện dự án thi công công trình đê biển hạ lưu đập N (giai đoạn 1) và bà đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật. Do đó, việc bà Lê Thị Kim L khiếu nại là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Công nhận Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L là đúng quy định pháp luật”*.

Ngày 24/6/2016, UBND tỉnh tiếp tục nhận được đơn đề ngày 08/6/2016 của bà Lê Thị Kim L với cùng nội dung khiếu nại trên, không có tình tiết mới. Do đó,

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Thông báo số 152/TB- UBND ngày 04/7/2016 về việc chấm dứt thụ lý giải quyết đối với khiếu nại của bà Lê Thị Kim L kể từ ngày 10/7/2016.

Do đó, việc ban hành Quyết định 658 là đúng với quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của bà L là không có cơ sở.

2.2. Ông Nguyễn Đình Th1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày:

Ông thống nhất như phần trình bày của người bị kiện, ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn A - Cán bộ địa chính UBND xã P trình bày:

Ông thống nhất như phần trình bày của người bị kiện, ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

3.2. Bà Lê Thị Lệ T2:

Bà thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị Kim L. Ngoài bà T2 không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2019/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003; Luật Đất đai ngày 26/11/2003 và ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L và Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, bà Lê Thị Kim L kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Kim L không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Thể hiện tại hồ sơ địa chính năm 1993 bà L đăng ký sử dụng thửa đất 481, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.050m².

Việc đăng ký sử dụng thửa đất 481, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.050m² nêu trên của bà L phù hợp với diện tích tại bản trích lục địa bộ (*diện tích 02 sào, 02 thước 05 tấc*) của chế độ cũ cấp cho gia đình bà L (*Do bà L cung cấp*); phù hợp diện tích 1.050m² tại trích lục bản đồ địa chính “*khu đất xây dựng công trình đê biển hạ lưu đập N (giai đoạn 1)*” của UBND xã P và phù hợp với bản tự kê khai về diện tích sử dụng thửa 481, tờ bản đồ số 3 của bà Lê Thị Kim L ngày 03/7/2013 để xác định thiệt hại do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình đê biển hạ lưu đập N (*giai đoạn 1*): “*Tổng diện tích thửa đất 1050m². Trong đó diện tích thu hồi vĩnh viễn 41x 2 = 82m²*”. Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất bà L quản lý sử dụng tại thời điểm năm 1993 đối với thửa đất số 481, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.050m².

Bà L khởi kiện cho rằng diện tích thực tế bà L quản lý sử dụng theo diện tích đo đạc của dự án Vlap là 1.203,3m² (*thửa đất 204, tờ bản đồ số 45*), trừ đi diện tích bị thu hồi là 82m² thì diện tích còn lại của bà là 1.121,3m² nhưng các quyết định giải quyết khiếu nại đều xác định diện tích bà sử dụng 1.067,56m² để không thu hồi và bồi thường 53,74 m² (*1.121,3m² - 1.067,56m²*). Nội dung khởi kiện của bà L không thể chấp nhận, vì lẽ:

- Bà L không có chứng cứ để chứng minh sau khi thu hồi 82m² thì diện tích bà L còn lại sử dụng là 1.121,3m².

- Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất của bà L vào ngày 03/10/2014

so sánh với kết quả đo đạc Vlap thì số liệu đo đạc của dự án Vlap không đúng với hiện trạng. Cụ thể: Cạnh phía Tây theo số liệu của Vlap dài 36,4m nhưng đo đạc thực tế là 34m; Cạnh phía Nam theo số liệu của Vlap dài 42,4m nhưng đo đạc thực tế là 41m.

[2]. Thực hiện dự án xây dựng công trình Đê biển hạ lưu N tại xã P (*Giai đoạn 1*): Ngày 27/9/2013, UBND huyện T1 ra quyết định số 2138/QĐ-UBND thu hồi 82m² đất (*hộ bà L được bồi thường, hỗ trợ với tổng giá trị là 36.985.000 đồng, bà L đã nhận xong tiền bồi thường*) và vào năm 1996 bà L chuyển nhượng 142m² đất cho bà Võ Thị Liên P nhưng theo Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2014 thể hiện bà L đang sử dụng 1.067,56m², là nhiều hơn so với diện tích tại hồ sơ địa chính và hiện trạng năm 1993. Bên cạnh đó, theo lời khai của bà L thừa nhận diện tích đất của bà L tăng lên từ việc bà đổ đất nâng nền: “*Phần diện tích tăng lên là do tôi bồi trức đổ đất nâng nền, cho nên diện tích tăng lên*” Vì vậy, lời khai của người bị kiện cho rằng trong quá trình sử dụng đất bà L lấn chiếm đất làm cho diện tích đất của bà L tăng lên so với số liệu địa chính năm 1993 là có căn cứ.

[3]. Theo Báo cáo số 05/BC-TTPTQĐ ngày 19/3/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T1, kiểm tra hiện trạng và hồ sơ địa chính thửa đất của bà L thì 2 điểm mốc GPMB ở góc phía sau trụ nhà ông Trần Văn T3 và góc nhà bà Nguyễn Thị Y đã tháo dỡ, sửa chữa theo chỉ giới GPMB hiện trạng thể hiện diện tích thu hồi 82m² vẫn chưa thu hồi hết và dấu vết trên cây xoài còn vết sơn là mốc giới GPMB vẫn còn trong đất bà L đang sử dụng. Vì vậy, ngày 28/7/2014 UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Kim L về hành vi xây dựng tường rào bao chiếm diện tích đất xây dựng công trình Đê biển hạ lưu N và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC ngày 30/7/2014; Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-CCK ngày 11/8/2014 đối với bà L là có căn cứ và vì diện tích đất 56m² nằm trong diện tích đất 82m² đã được UBND huyện T1 thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 2138/QĐ-UBND ngày 27/9/2013. Cho nên, UBND huyện T1 không ra Quyết định thu hồi đất 56m² là đúng pháp luật.

Bà L kháng cáo cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC ngày 30/7/2014 và Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-CCK ngày 11/8/2014 là các chứng cứ giả là không đúng, vì các quyết định này dựa trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính ngày 28/7/2014 với sự có mặt của bà L (*bà L nghe biên bản nhưng không ký*) và các nhân chứng Lê Văn T4- phó thôn T, Dương Ngọc K chứng kiến về việc lập biên bản này; các Quyết định này được tổng đạt tại nhà bà L vào các ngày 01/8/2014 và ngày 12/8/2014 có sự chứng kiến của ông Lê Văn T4- phó thôn T, xã P.

[4]. Quá trình tiến hành tố tụng vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã

tiến hành tổ chức đối thoại vào ngày 09/10/2019 và ngày 24/10/2019 nhưng người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định lập biên bản đối thoại không được là đúng quy định tại Điều 135 và khoản 3 Điều 139 Luật tổ tụng hành chính.

[5]. Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim L.

[6]. *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên bà L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của bà Lê Thị Kim L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003; Luật Đất đai ngày 26/11/2003 và ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L và Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L.

Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L được miễn và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 08018 ngày 12/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, LT, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Thanh